

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Xiềng
2. Ông RChâm Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Số H, tổ dân phố B, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2017, bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất vay là 2,5%/tháng. Sau đó, bà B chỉ trả cho bà H số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2017, còn số tiền nợ gốc thì bà B trả không cho bà H. Ngày 01/01/2018, bà B có ký lại giấy vay xác nhận còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, bà B tiếp tục vay theo mức lãi suất 2,5%/tháng. Đến ngày 27 tháng 12 năm 2022 (âm lịch), bà B có trả cho bà H số tiền gốc là 500.000 đồng. Sau đó, bà H tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng bà B cố tình không trả. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 14.500.000 đồng, bà H không yêu cầu bà B trả tiền nợ lãi.

Bà H không đồng ý với đề nghị trả dần số tiền nợ của bà B, yêu cầu bà B phải trả ngay cho bà H toàn bộ số tiền nợ.

2. Bị đơn Nguyễn Thị B trình bày: Năm 2017, bà B có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất vay là 2,5%/tháng. Sau đó, bà B chỉ trả cho bà H số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2017. Ngày 01/01/2018, bà B có ký lại giấy vay xác nhận còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, bà B tiếp tục vay số tiền 15.000.000 đồng của bà H theo mức lãi suất 2,5%/tháng. Đến ngày 27 tháng 12 năm 2022 (âm lịch), bà B có trả cho bà H số tiền gốc là 500.000 đồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà B trả số nợ gốc là 14.500.000 đồng thì bà B đồng ý trả, tuy nhiên vì kinh tế khó khăn nên bà B đề nghị bà H cho bà B trả dần số tiền nợ 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền nợ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Văn bản viết tay có tiêu đề “Thanh toán”; Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 17/7/2023 của bà Nguyễn Thị B; Tòa án không thu thập tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn, có Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về số tiền vay và số tiền còn nợ: Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị B đều công nhận ngày 01/01/2018 bà B có vay của bà H số tiền là 15.000.000 đồng, đến ngày 27/12/2022 (âm lịch), bà B mới trả cho bà H số tiền gốc là 500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 14.500.000 đồng, đã đến hạn trả nợ nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[3] Về việc trả nợ: Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị B không thống nhất về thời gian trả nợ. Bà B là người vay đồng ý trả nợ nhưng đề nghị bà H cho trả dần số tiền nợ hàng tháng là 500.000 đồng nhưng không được bà H là người cho vay đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền nợ gốc là 14.500.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền nợ là 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 725.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 362.500 đồng (ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008864 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính